

NGHỊ QUYẾT

CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

**Về phát triển nông, lâm nghiệp chủ lực tập trung, bền vững
gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm giai đoạn 2026 - 2030**

I- KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH

Sau 5 năm triển khai Nghị quyết số 06-NQ/TU, ngày 25/11/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về xây dựng và phát triển vùng sản xuất hàng hoá tập trung, gắn với chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, xây dựng thương hiệu trong lĩnh vực nông nghiệp, giai đoạn 2020 - 2030, lĩnh vực nông nghiệp của tỉnh đã đạt được những kết quả tích cực như: Sản xuất nông nghiệp phát triển toàn diện, chuyên biến mạnh mẽ từ tư duy sản xuất nông nghiệp sang tư duy kinh tế nông nghiệp; phát triển lâm nghiệp có chuyên biến rõ nét, nhận được sự đồng tình, ủng hộ và hưởng ứng thực hiện của cả hệ thống chính trị và người dân, các vùng nguyên liệu tập trung tiếp tục được duy trì và phát triển; tốc độ tăng trưởng ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản luôn ở mức cao (*giai đoạn 2021 – 2025 đạt bình quân 5,93%*); chú trọng vào phát triển sản xuất hàng hóa nông nghiệp gắn với cây, con chủ lực, thế mạnh, đặc sản của địa phương, tập trung theo hướng nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm, gắn với truy xuất nguồn gốc. Một số chuỗi liên kết đã được hình thành, phát triển tương đối ổn định, giúp người dân yên tâm sản xuất, tăng thu nhập. Nhiều sản phẩm chủ lực đã được bảo hộ tài sản trí tuệ, xây dựng sản phẩm OCOP, góp phần phát triển thương hiệu, nâng cao giá trị kinh tế, phát huy được lợi thế của địa phương.

Tuy nhiên, nông nghiệp của tỉnh còn nhiều khó khăn, hạn chế, chưa hình thành được những mô hình liên kết chuỗi lớn, bền vững; diện tích áp dụng công nghệ cao còn chiếm tỷ lệ rất thấp; sản xuất chưa gắn kết; các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, chế biến nông lâm sản quy mô nhỏ; chưa thu hút được nhiều dự án đầu tư vào sản xuất, chế biến sản phẩm nông nghiệp; chưa có những sản phẩm có thương hiệu lớn, có giá trị cao tương xứng với tiềm năng của tỉnh.

Nguyên nhân của khó khăn, hạn chế đó là do việc tiếp cận khoa học kỹ thuật, thị trường và quản lý sản xuất, kinh doanh của người dân còn hạn chế; sản xuất tự phát, không có hợp đồng liên kết, tiêu thụ sản phẩm. Năng lực nội tại của các bên tham gia chuỗi liên kết trên địa bàn tỉnh còn yếu, hoạt động quy mô nhỏ, năng lực, trình độ sản xuất kinh doanh còn hạn chế. Đầu tư cho nông nghiệp có tính rủi ro cao do đặc thù sản xuất nông nghiệp chịu nhiều tác động của thời tiết, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh xảy ra ngày càng bất thường, chưa có chính sách đủ mạnh để thu hút doanh nghiệp đầu tư cho phát triển sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

II- QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

Thực hiện thắng lợi mục tiêu Nghị quyết số 01-NQ/ĐH, ngày 26/9/2025 Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

Phát triển nông, lâm nghiệp tập trung, bền vững, ứng dụng khoa học, công nghệ trên cơ sở phát huy tiềm năng, lợi thế của từng vùng; tăng giá trị thu nhập trên một đơn vị diện tích, tăng khả năng cạnh tranh của các sản phẩm nông sản chủ lực nhằm tạo động lực để thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp, góp phần nâng cao đời sống Nhân dân, bảo đảm ổn định, phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

Đổi mới phương thức tổ chức sản xuất ngành nông, lâm nghiệp, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân theo hướng: Doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư sản xuất, chế biến, tiêu thụ; người dân tham gia liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu tổng quát:

Tập trung khai thác, tận dụng tốt lợi thế về điều kiện tự nhiên, xây dựng và phát triển các vùng sản xuất nông, lâm nghiệp tập trung theo chuỗi giá trị; ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến vào sản xuất, phát triển sản phẩm có chất lượng, sức cạnh tranh cao và bền vững, đạt các tiêu chuẩn kỹ thuật và chất lượng theo yêu cầu của thị trường, tăng thu nhập cho người sản xuất nông nghiệp; tăng hiệu quả quản lý, sử dụng các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

- Cơ cấu nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 12 – 13% trong cơ cấu kinh tế của tỉnh; phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản giai đoạn 2026 – 2030 đạt bình quân 3,6% trở lên. Phát triển nông nghiệp ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến; nâng cao chất lượng sản phẩm nông sản hàng hóa chủ lực theo chuỗi giá trị gắn với bảo quản, chế biến, xây dựng, phát triển và bảo vệ thương hiệu, đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và hướng tới xuất khẩu.

- Phát triển vùng sản xuất hàng hóa các loại sản phẩm chủ lực, có thể mạnh cạnh tranh, hướng tới xuất khẩu như: Vùng Thông 155.000 - 160.000 ha, vùng Hối 55.000 - 56.000 ha, vùng Keo 50.000 - 55.000 ha, vùng Quế 10.000 - 15.000 ha, vùng Mắc ca 6.000 - 8.000 ha, vùng Na trên 4.500 ha, vùng Quýt và cây ăn quả có múi trên 3.000 ha, vùng Hồng trên 2.000 ha, vùng Thạch đen trên 1.000 ha.

- Phát triển diện tích các loại cây trồng có tiềm năng, như: Dẻ lấy hạt, Dứa, dược liệu dưới tán rừng, Hoàng đàn, Hồng giòn (Hồng Nhật), chè Shan tuyết Mẫu Sơn...

- Phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm: Duy trì tổng đàn trâu đạt 48.000 - 50.000 con, tổng đàn bò 30.000 con; phát triển đàn lợn 300.000 con, tổng đàn gia cầm 5,5 triệu con, tổng đàn dê 45.000 con, tổng đàn ngựa 8.500 con. Diện tích nuôi thủy sản hàng năm duy trì đạt trên 1.250 ha, duy trì và phát triển khoảng 550 lồng bè.

- Phân đầu đến năm 2030, diện tích áp dụng GAP, hữu cơ, mã số vùng trồng và các tiêu chuẩn khác đạt 2.000 ha; diện tích được cấp mã số vùng trồng 5.000 ha, duy trì và cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững 20.000 ha. Thu hút đầu tư các doanh nghiệp, hợp tác xã chế biến nông sản tham gia vào chuỗi liên kết sản xuất - tiêu thụ sản phẩm là 30 doanh nghiệp, hợp tác xã; phát triển, nâng cao chất lượng các sản phẩm OCOP với 200 sản phẩm còn hạn, trong đó có ít nhất 20 sản phẩm 4 sao và 1 sản phẩm 5 sao; phân đầu 100% các sản phẩm OCOP 4 sao, 5 sao được bán tại các hệ thống siêu thị hoặc các chuỗi bán lẻ phổ biến. Nâng cao giá trị sản phẩm/đơn vị diện tích canh tác từ 10 - 15% so với năm 2025.

III- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, quản lý, điều hành của chính quyền, vai trò của hệ thống chính trị

Nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền và cả hệ thống chính trị và Nhân dân về vị trí, vai trò, lợi thế, tầm quan trọng của ngành nông lâm nghiệp đối với phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm và nâng cao đời sống người dân. Các cấp ủy đảng, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở cần xác định xây dựng và phát triển vùng sản xuất hàng hóa tập trung gắn chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm và xây dựng thương hiệu trong lĩnh vực nông nghiệp là nhiệm vụ quan trọng, xuyên suốt, cần nghiêm túc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện. Thực hiện sắp xếp bộ máy, biên chế các cơ quan trong lĩnh vực nông nghiệp bảo đảm tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; thực hiện tốt vai trò hỗ trợ chính sách và tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi.

Phát huy vai trò tham mưu của các ngành chức năng trong việc đề ra các giải pháp xây dựng và phát triển vùng sản xuất hàng hóa tập trung, vùng nguyên liệu, chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm và tạo thương hiệu sản phẩm nông nghiệp của tỉnh.

Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội các cấp tích cực thực hiện tốt vai trò hỗ trợ, hướng dẫn, tạo điều kiện để tổ chức, phát triển các hoạt động sản xuất nông nghiệp; đẩy mạnh việc nhân rộng mô hình hay, kinh nghiệm tốt, kịp thời khen thưởng, động viên các điển hình tiên tiến trong sản xuất, nhất là trong tổ chức liên kết sản xuất và phát triển thương hiệu lĩnh vực nông nghiệp; tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo tuyên truyền, phổ biến sâu rộng để nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và Nhân dân về chủ trương, cơ chế, chính sách phát triển nông nghiệp, đặc biệt là chủ trương đẩy mạnh xây dựng và phát triển vùng sản xuất hàng hóa tập trung, gắn với chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, tạo thương hiệu sản phẩm trong nông nghiệp; tuyên truyền, nâng cao nhận thức, năng lực, về bảo vệ môi trường, an toàn dịch bệnh, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ theo hướng hiệu quả, bền vững, bảo đảm an sinh xã hội.

2. Xây dựng các vùng sản xuất nông lâm nghiệp hàng hóa đạt các tiêu chuẩn kỹ thuật theo nhu cầu thị trường

Xây dựng các vùng trồng trọt sản xuất quy mô lớn, tập trung, bền vững gắn với bảo quản, chế biến và tiêu thụ theo chuỗi giá trị, nâng cao sức cạnh tranh; phát

triển chăn nuôi chuyên đôi bền vững từ hình thức chăn nuôi nông hộ, quy mô nhỏ sang chăn nuôi tập trung với hình thức gia trại, trang trại, bảo đảm an toàn dịch bệnh trong chăn nuôi; bảo vệ chặt chẽ diện tích rừng tự nhiên hiện có, nâng cao chất lượng rừng, xây dựng, phát triển rừng gắn với phát triển chuỗi giá trị lâm sản từ trồng, khai thác, chế biến và thị trường tiêu thụ, thúc đẩy kinh tế lâm nghiệp phát triển bền vững. Các diện tích nuôi, trồng được áp dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật (*VietGAP, hữu cơ, mã số vùng trồng, chứng chỉ quản lý rừng bền vững...*) theo nhu cầu thị trường. Phát triển các mô hình nông, lâm nghiệp; nông, lâm kết hợp bền vững gắn với du lịch để nâng cao thu nhập cho người dân.

Củng cố, nâng cấp, phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ phục vụ sản xuất nông nghiệp, nhất là tại các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn như: Hệ thống đường giao thông nông thôn, hệ thống lưới điện phục vụ sản xuất, các công trình thủy lợi...

3. Đẩy mạnh chuyển giao, ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến vào sản xuất và chế biến

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ trong sản xuất nông nghiệp hướng tới nông nghiệp thông minh, nông nghiệp sinh thái đa lợi ích, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp giảm phát thải; phát triển chuỗi giá trị các sản phẩm chủ lực của tỉnh. Nghiên cứu, tiếp nhận và ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ cao và các công nghệ thân thiện với môi trường trong chọn tạo, nhân giống các loại cây trồng, vật nuôi chủ lực, đặc sản có năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế cao, thích ứng với biến đổi khí hậu... phù hợp với đặc thù từng vùng sinh thái; nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, trí tuệ nhân tạo (*AI*) trong thu hoạch, bảo quản, chế biến và tiêu thụ các loại nông, lâm sản. Khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư nghiên cứu, ứng dụng, đổi mới công nghệ, cơ giới hóa, tự động hóa và chuyển đổi số trong nông nghiệp. Tăng cường hợp tác khoa học công nghệ trong sản xuất, phòng chống dịch bệnh, bảo quản, chế biến nông sản; khuyến khích ứng dụng kỹ thuật số trong sản xuất; thực hiện chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật cho người dân.

4. Phát triển thị trường, kết nối tiêu thụ sản phẩm

Hoàn thiện hệ thống các kênh tiêu thụ sản phẩm nông sản theo chuỗi giá trị gia tăng, bảo đảm liên kết chặt chẽ, hài hòa lợi ích giữa các chủ thể tham gia từ sản xuất, chế biến đến tiêu thụ. Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại các sản phẩm nông sản; gắn phát triển du lịch với quảng bá, giới thiệu sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản, đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử, chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại, tiêu thụ nông sản thông qua các sàn giao dịch thương mại điện tử, nền tảng số và kênh bán hàng trực tuyến. Mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản, nhất là các sản phẩm nông sản chế biến, đóng gói trên địa bàn tỉnh thông qua hội chợ, hội nghị, diễn đàn thương mại, xúc tiến đầu tư trong và ngoài tỉnh. Hỗ trợ xây dựng chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu, thương hiệu cho các sản phẩm nông sản của tỉnh. Tạo mối liên hệ giữa nông dân, doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và các cơ quan, đơn vị liên quan trong phát triển nông sản hàng hóa thông qua liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm. Tăng cường mở

rộng thị trường trong nước, đẩy mạnh các hoạt động kết nối cung cầu, triển lãm, quảng bá giới thiệu sản phẩm, đưa nông sản của tỉnh đến với người tiêu dùng trên phạm vi cả nước và hướng tới xuất khẩu.

Đẩy mạnh liên kết giữa ngành nông nghiệp và du lịch thông qua việc hình thành các điểm trưng bày, quảng bá và bán sản phẩm nông, lâm nghiệp chủ lực tại các khu, điểm du lịch. Phát triển các tour du lịch trải nghiệm nông, lâm nghiệp gắn với tiêu thụ sản phẩm tại chỗ, qua đó nâng cao giá trị gia tăng và quảng bá thương hiệu nông lâm sản của địa phương

Cơ quan chức năng, doanh nghiệp, hợp tác xã tăng cường nâng cao năng lực nghiên cứu, dự báo, kết nối thị trường, ứng dụng thương mại điện tử để định hướng sản xuất và quảng bá thương hiệu, xúc tiến thương mại, tìm thị trường đầu ra cho sản phẩm nông nghiệp của tỉnh.

Hỗ trợ nông dân kết nối liên kết với các doanh nghiệp chế biến, hệ thống tiêu thụ sản phẩm, hình thành các chuỗi khép kín từ sản xuất đến tiêu thụ. Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất nông nghiệp, cơ sở chế biến nông sản quảng bá thương hiệu, giới thiệu và tiêu thụ sản phẩm ở trong tỉnh, ngoài tỉnh và quốc tế. Nghiên cứu, đề xuất với các cơ quan trung ương liên quan trong công tác đối ngoại, hợp tác quốc tế lĩnh vực sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông sản, chuyên giao công nghệ tiên tiến. Triển khai chương trình OCOP đi vào chiều sâu, nâng cao chất lượng sản phẩm OCOP đối với các sản phẩm chủ lực, đặc sản và có tiềm năng.

5. Khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn phục vụ phát triển nông nghiệp

Lồng ghép các nguồn vốn từ chương trình khuyến nông, khuyến lâm; chương trình mục tiêu quốc gia; chương trình, dự án đầu tư phát triển hạ tầng nông nghiệp, nông thôn... phục vụ phát triển nông nghiệp, ưu tiên nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch. Nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn vốn, nhất là các nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước cho phát triển sản xuất nông lâm nghiệp. Tăng cường huy động nguồn vốn của doanh nghiệp, hợp tác xã, vốn vay của các tổ chức tín dụng, hộ gia đình, cá nhân và các nguồn vốn hợp pháp khác.

6. Xây dựng và ban hành cơ chế, chính sách

Triển khai thực hiện tốt các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn của Trung ương, của tỉnh đã ban hành; rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành các cơ chế chính sách đặc thù của tỉnh khuyến khích đầu tư, phát triển nông nghiệp trên địa bàn tỉnh. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng cơ sở nghiên cứu, ứng dụng, sản xuất, chế biến và liên kết tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp.

Chú trọng hỗ trợ, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, hợp tác xã có thể tiếp cận nhanh, thuận lợi đối với các nguồn hỗ trợ. Thúc đẩy sự liên kết giữa nhà quản lý, nhà khoa học, doanh nghiệp và nông dân trong thực hiện phát triển vùng sản xuất tập trung và xây dựng thương hiệu cho sản phẩm. Tiếp tục cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nhất là vào lĩnh vực nông lâm nghiệp.

7. Đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Tăng cường công tác đào tạo đội ngũ cán bộ ngành nông nghiệp của tỉnh. Nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý các doanh nghiệp, hợp tác xã, chủ trang trại. Đào tạo nghề cho lao động nông thôn, tăng cường công tác tập huấn cho người dân. Tổ chức tham quan học tập các mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao mang lại hiệu quả kinh tế cao.

Củng cố, kiện toàn tổ chức, nâng cao năng lực bộ máy quản lý nhà nước về bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm, nhất là kiểm soát chất lượng nông lâm thủy sản; đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quản lý, kiểm nghiệm, cấp chứng nhận an toàn thực phẩm, các thiết bị kiểm tra nhanh phục vụ công tác kiểm tra, giám sát chất lượng sản phẩm.

8. Tuyên truyền, đào tạo, tập huấn nâng cao nhận thức của cộng đồng về sản xuất hàng hóa

Tuyên truyền rộng rãi trong Nhân dân về ý nghĩa sản xuất hàng hóa theo vùng nguyên liệu tập trung; hướng dẫn hộ nông dân phân tích, xác định tiềm năng sản xuất nông sản hàng hóa của địa phương, hỗ trợ phương pháp tổ chức sản xuất theo mô hình tổ hợp tác, hợp tác xã.

Các ngành chức năng, chính quyền các cấp chủ động phối hợp với doanh nghiệp, hợp tác xã và các cơ quan truyền thông đẩy mạnh tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc trưng của tỉnh. Chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông nhằm nâng cao hiệu quả quảng bá, xúc tiến thương mại, góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất và tiêu thụ nông sản của tỉnh.

Xây dựng và tổ chức thực hiện hiệu quả các chương trình tuyên truyền, đào tạo, tập huấn nâng cao nhận thức trong sản xuất, kinh doanh, chế biến các sản phẩm nông nghiệp cho người nông dân, các cơ sở sản xuất, chế biến sản phẩm và cán bộ cơ quan quản lý.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan, đơn vị tổ chức quán triệt, phổ biến Nghị quyết này đến cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên, thành viên và Nhân dân; xây dựng chương trình, kế hoạch, đề án cụ thể để thực hiện.

2. Đảng ủy Hội đồng nhân dân tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo nghiên cứu, ban hành các Nghị quyết về cơ chế chính sách khuyến khích, thu hút doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân đầu tư vào phát triển nông nghiệp, nhất là nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; giám sát việc tổ chức triển khai thực hiện.

3. Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo xây dựng kế hoạch, chương trình, đề án cụ thể để thực hiện ở các cấp, các ngành; chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy và các cơ quan liên quan thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc sơ kết, tổng kết, định kỳ báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy kết quả thực hiện Nghị quyết.

4. Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy đảng đối với việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được quán triệt đến đảng viên và phổ biến rộng rãi đến các tầng lớp Nhân dân.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Ban Chính sách, chiến lược TW,
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Thường trực HĐND tỉnh,
- Ủy ban nhân dân tỉnh,
- Các đảng ủy trực thuộc,
- Các CQ chuyên trách TM, GV Tỉnh ủy,
- Các sở, ban, ngành, MTTQ, tổ chức CT-XH, Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ**

Hoàng Quốc Khánh